

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG SSC**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG SSC

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SSC INVESTMENT CONSTRUCTION  
JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: SSC INVESTMENT CONSTRUCTION JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0316186054

**3. Ngày thành lập:** 06/03/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tòa nhà The Prime, 37 Hoàng Văn Thụ, Phường 15, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                      | Mã ngành    |
|-----|----------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Thoát nước và xử lý nước thải<br>(không hoạt động tại trụ sở). | 3700        |
| 2.  | Xây dựng nhà để ở                                              | 4101(Chính) |
| 3.  | Xây dựng nhà không để ở                                        | 4102        |
| 4.  | Xây dựng công trình đường sắt                                  | 4211        |
| 5.  | Xây dựng công trình điện                                       | 4221        |
| 6.  | Xây dựng công trình thủy                                       | 4291        |
| 7.  | Chuẩn bị mặt bằng<br>Chi tiết: San lấp mặt bằng                | 4312        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 8.  | Lắp đặt hệ thống điện<br>Chi tiết: + Lắp đặt: Dây dẫn và thiết bị điện, + Đường dây thông tin liên lạc, + Mạng máy tính và dây cáp truyền hình, bao gồm cả cáp quang học, + Đĩa vệ tinh, + Hệ thống chiếu sáng, + Chuông báo cháy, + Hệ thống báo động chống trộm, + Tín hiệu điện và đèn trên đường phố, + Đèn trên đường băng sân bay. - Hoạt động kết nối các thiết bị điện và đồ dùng gia đình. +Lắp đặt hệ thống tấm pin Năng Lượng Mặt Trời; + Lắp đặt hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hoà nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng; + Lắp đặt hệ thống thiết bị nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như : + Thang máy, cầu thang tự động; + Các loại cửa tự động; + Hệ thống đèn chiếu sáng; + Hệ thống hút bụi, + Hệ thống âm thanh; + Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí; +Lắp đặt hệ thống năng lượng điện gió (trừ lắp đặt các thiết bị lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hòa không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh R22 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản) (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở) | 4321 |
| 9.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí<br>--(không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở và trừ lắp đặt các thiết bị lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hòa không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh r22 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4322 |
| 10. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4330 |
| 11. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý, môi giới                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4610 |
| 12. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>Chi tiết: Bán buôn sắt thép; Bán buôn kim loại khác (trừ mua bán phế liệu, phế thải kim loại, trừ mua bán vàng miếng tại trụ sở).                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4662 |
| 13. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4663 |
| 14. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại; Bán buôn bê tông nóng, bán buôn nhựa tổng hợp, nhựa đường (không hoạt động tại trụ sở). Bán buôn hạt nhựa nguyên sinh PP, PE. Bán buôn trang thiết bị bảo hộ lao động, bao bì nhựa, thùng carton. Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh.<br>Bán buôn tấm pin năng lượng mặt trời + Bán buôn thiết bị điện tử, thiết bị trong hệ thống tạo năng lượng bằng gió và bằng năng lượng mặt trời. Bán buôn dầu thô, bông thô, đường thô, đường thô từ các loại cây, dầu cọ, dầu chiết xuất từ các loại hạt có dầu.(không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4669 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 15. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                           | 4759 |
| 16. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết: Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay, tàu hỏa.                                                                                                                                                                                                                | 5229 |
| 17. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán và pháp luật).                                                                                                                                                                                      | 6619 |
| 18. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết: Môi giới bất động sản.                                                                                                                                                                                                                             | 6820 |
| 19. | Hoạt động tư vấn quản lý<br>-(trừ tư vấn tài chính, kế toán và pháp luật).                                                                                                                                                                                                                                                        | 7020 |
| 20. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: Lập dự toán, tổng dự toán công trình xây dựng. Quản lý các dự án đầu tư xây dựng công trình.                                                                                                                                                                     | 7110 |
| 21. | Kiểm tra và phân tích kỹ thuật<br>Chi tiết: - Thí nghiệm và kiểm nghiệm vật liệu xây dựng; - Kiểm định chất lượng công trình xây dựng; - Kiểm tra, chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng; - Đánh giá, xác nhận chất lượng công trình hoặc hạng mục, bộ phận | 7120 |
| 22. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 7310 |
| 23. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 7320 |
| 24. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Hoạt động trang trí nội - ngoại thất                                                                                                                                                                                                                                                  | 7410 |
| 25. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Môi giới thương mại. Hoạt động phiên dịch. Tư vấn môi trường.                                                                                                                                                                                | 7490 |
| 26. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 7710 |
| 27. | Cung ứng và quản lý nguồn lao động<br>Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước (trừ cho thuê lại lao động).                                                                                                                                                                                                        | 7830 |
| 28. | Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác<br>(không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                                                                                                                                           | 0112 |
| 29. | Trồng cây lấy củ có chất bột<br>(không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                                                                                                                                                      | 0113 |
| 30. | Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa<br>(không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                                                                                                                                              | 0118 |
| 31. | Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm<br>(không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                                                                                                                                               | 0131 |
| 32. | Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp<br>(không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                                                                                                                                                     | 0150 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 33. | Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp<br>(không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 0210 |
| 34. | Khai thác gỗ<br>(không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 0220 |
| 35. | Nuôi trồng thủy sản biển<br>(không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 0321 |
| 36. | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ<br>Chi tiết: Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ<br>(không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4631 |
| 37. | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết: Bán buôn thực phẩm chức năng, đường (không hoạt động tại trụ sở), sữa, các sản phẩm sữa, ngũ cốc, bột, tinh bột, hạt cà phê                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4632 |
| 38. | Sản xuất bột giấy, giấy và bìa<br>(không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 1701 |
| 39. | Sản xuất giấy nhẵn, bìa nhẵn, bao bì từ giấy và bìa<br>(không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 1702 |
| 40. | Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu<br>(không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 1709 |
| 41. | Đại lý du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 7911 |
| 42. | Điều hành tua du lịch<br>Chi tiết: Du lịch lữ hành nội địa.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 7912 |
| 43. | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 7990 |
| 44. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>Chi tiết: Tổ chức các sự kiện, hội nghị, hội thảo (không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất cháy, chất nổ, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim, ảnh)                                                                                                                                                                                                      | 8230 |
| 45. | Vệ sinh chung nhà cửa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 8121 |
| 46. | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Sản xuất hệ thống chạy bằng năng lượng gió, năng lượng mặt trời                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 3290 |
| 47. | Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt<br>(trừ xông hơi khử trùng)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 8129 |
| 48. | Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện<br>Chi tiết: Sản xuất năng lượng, phân phối và chuyển tải đặc biệt; Sản xuất máy phát điện; Sản xuất máy biến đổi phân phối điện; - Sản xuất máy chuyển đổi hàn bằng một cung lửa điện; Sản xuất thiết bị chuyển năng lượng; - Sản xuất bộ chuyển, năng lượng điện (trừ nút bấm, khoá, sônônit (cuộn dây kim loại trở nên có từ tính khi có dòng điện đi qua cuộn dây đó), lẫy khoá) | 2710 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                     |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|
| 49. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết: + Lắp đặt hệ thống thiết bị nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như : + Thang máy, cầu thang tự động, + Các loại cửa tự động, + Hệ thống đèn chiếu sáng, + Hệ thống hút bụi, + Hệ thống âm thanh, + Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí. +Lắp đặt hệ thống năng lượng điện gió | 4329                                                                |
| 50. | Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật hiện hành và các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện                                                                                                      | <i>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i> |

**6. Vốn điều lệ:** 50.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông  | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|--------------|--------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | PHẠM QUÝ SỬU | 92 Đỗ Tấn Phong, Phường 09, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam          | Cổ phần phổ thông         | 2.050.000  | 20.500.000.000        | 41,000    | 079073002793                                                                                |         |
|     |              |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |              |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |              |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |              |                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |              |                                                                                      | Tổng số                   | 2.050.000  | 20.500.000.000        | 41,000    |                                                                                             |         |
|     |              |                                                                                      |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |

|   |                  |                                                                             |                           |           |                |        |              |
|---|------------------|-----------------------------------------------------------------------------|---------------------------|-----------|----------------|--------|--------------|
| 2 | VÕ THỊ THỦY      | 92 Đỗ Tấn Phong, Phường 09, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 2.450.000 | 24.500.000.000 | 49,000 | 052172000019 |
|   |                  |                                                                             | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                             | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                             | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                             | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                             | Tổng số                   | 2.450.000 | 24.500.000.000 | 49,000 |              |
|   |                  |                                                                             |                           |           |                |        |              |
| 3 | NGÔ VÕ HUYỀN NGÀ | Tân Bình, Xã Bảo Bình, Huyện Cẩm Mỹ, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam                | Cổ phần phổ thông         | 500.000   | 5.000.000.000  | 10,000 | 272269219    |
|   |                  |                                                                             | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                             | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                             | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                             | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                             | Tổng số                   | 500.000   | 5.000.000.000  | 10,000 |              |
|   |                  |                                                                             |                           |           |                |        |              |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: PHẠM QUÝ SỬU

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 20/11/1973

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 079073002793

Ngày cấp: 22/03/2018

Nơi cấp: Cục Cảnh Sát ĐKQL Cư Trú và DLQG Về Dân Cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 92 Đỗ Tấn Phong, Phường 09, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: 92 Đỗ Tấn Phong, Phường 09, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hồ Chí Minh